TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/03/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **bà Phan Thanh Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **bà Đinh Thị Kim Đăng**

ông Vũ Ngọc Hòa

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **bà Phạm Thị Thanh thủy** - *Cán bộ TAND quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: ông: **Phạm Sỹ Nguyên** - *Kiểm sát viên.*

Ngày 14 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 707/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa:

- ***Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Quang H,** sinh năm 1969 (có mặt)
- ***Bị đơn*: Bà Phạm Thị Ngọc L,** sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 5 ngõ 82, phố L, phường B, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 26/06/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Ông Nguyễn Quang H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Bà Phạm Thị Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 27/01/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống tại số 5 ngõ 82, phố Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không thể chia sẻ mọi việc trong cuộc sống, về đối nhân xử thế với hai bên nội ngoại, bà L không quan tâm gì đến bố mẹ tôi, nói rằng việc bên nhà nội thì tôi tự lo, tôi có trao đổi nhiều lần nhưng bà Lkhông thay đổi, vợ chồng càng ngày càng xa cách, tôi ốm đau bệnh tật thì tôi tự lo, bà Lkhông quan tâm, không hỏi han gì. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, bỏ mặc nhau, không ai quan tâm ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với bà Lđể cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi và Bà Phạm Thị Ngọc L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quang Hiệp sinh ngày 03/01/2001 và Nguyễn Thị Minh Hiền sinh ngày 02/01/2005. Do cả 02 con chung đều trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về nhà ở chung, tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: tôi và Bà Phạm Thị Ngọc L không nợ ai, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình tiến hành tố tụng, bà L đã đươc tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần (bà L ký nhận) nhưng không chấp hành, không đến tòa làm việc, không đưa ra quan điểm, ý kiến trình bày, tòa án mở phiên hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà Lvẫn cố tình vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ngày 14/03/2025, bà Lcó mặt.

*** Tại phiên tòa:**

- Ông Nguyễn Quang H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Liên. Ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Liên; Về con chung: 02 con đều đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và công nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Ltrình bày: Trong quá trình tòa án giải quyết, tôi đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho tôi, nhưng do đặc thù công việc nên tôi không thể đến tòa để làm việc. Tôi nhất trí với ý kiến của Ông H về quá trình vợ chồng tìm hiểu và đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng thường xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Ông H không chia sẻ công việc gia đình cũng như kinh tế để cùng tôi lo cho các con. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, tôi đồng ý ly hôn; Về con chung; Tài sản chung và công nợ chung: Tôi nhất trí với ý kiến của Ông H, tôi không đề nghị gì, trong trường hợp chúng tôi không thỏa thuận được tài sản, chúng tôi sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

* **Đại diện VKS nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến**: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ điều 198 đến điều 233 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông H đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương VI Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà L không tuân thủ quy định của pháp luật, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Llà có cơ sở pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Quang H đối với Bà Phạm Thị Ngọc L. Ông H được ly hôn với bà Liên.

+ Về con chung: vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quang Hiệp sinh ngày 03/01/2001 và Nguyễn Thị Minh Hiền sinh ngày 02/01/2005. Do con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động, đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết, nên không xét.

+ Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} ***Về thẩm quyền giải quyết***: Ông Nguyễn Quang H và Bà Phạm Thị Ngọc L là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 27/01/2000, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông H và căn cứ theo quy định của pháp luật, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn". Hiện bà Lđang cư trú tại phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]***Về quan hệ hôn nhân:*** Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo như Ông H và bà Ltrình bày thì vợ chồng thực sự có mâu thuẫn, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn qua lời trình bày và quan điểm của Ông H, bà Lcho thấy mâu thuẫn chủ yếu là do cả hai phía, hai vợ chồng không thể hòa hợp để có tiếng nói chung. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả ông bà cũng không có phương án nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa Ông H và bà Lđã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, hai bên không tìm được tiếng nói chung, có sự bất đồng về quan điểm sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần mời bà Llên Tòa án làm việc, trình bày ý kiến và xuất trình tài liệu chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tuy nhiên bà Lkhông lên Tòa án làm việc, từ chối việc hòa giải và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, bà Lcũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân giữa Ông H và bà Lđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của Ông H với bà Ltheo quy định tại Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2015.

[2.2] ***Về con chung***: ông bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quang Hiệp sinh ngày 03/01/2001 và Nguyễn Thị Minh Hiền sinh ngày 02/01/2005. Do con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động, Ông H và bà Lkhông yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] ***Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung***: Ông H, bà Lkhông yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] ***Về án phí:*** Ông Nguyễn Quang H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] ***Về kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 điều 28, điều 35, 39, 147, 271 và điều 273 - BLTTDS.

- Các điều 51, 55, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Quang H. Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn Quang H với Bà Phạm Thị Ngọc L.

2/ Về con chung: Xác nhận ông bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quang Hiệp sinh ngày 03/01/2001 và Nguyễn Thị Minh Hiền sinh ngày 02/01/2005. Do con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động, Ông H, bà Lkhông yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung và nhà ở chung, về công nợ chung: Xác nhận Ông H, bà Lđều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Quang H phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo BL số 0024353 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quang H, Bà Phạm Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND p,Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
(GCNKH Số 04, quyển số 01/2000, ngày 27/01/2000)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phan Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 15’ ngày 30/07/2024, tại phòng nghị án TAND quận Hai Bà Trưng;

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **bà Phan Thanh Hà**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Châu**
Ông Vũ Ngọc Hòa

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 349/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc *“Ly hôn”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2024, giữa:

*** Nguyên đơn: Ông Kim Văn Thuyết,** sinh năm 1961
Địa chỉ: đội 8 Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội.
Ông Thuyết có mặt

*** Bị đơn: Bà Lưu Thanh Hương**, sinh năm 1963
Địa chỉ: số 17 ngõ 459 phường Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Bà Hương có mặt

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về tố tụng:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Kim Văn Thuyết và bà Lưu Thanh Hương là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày 14/02/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Thuyết và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Hiện bà Hương đang cư trú tại: số 17 ngõ 459 Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Biểu quyết 3/3

2. Về Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điều 35, 39, 147, 271 và điều 273 - BLTTDS.

- Các điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình 2015.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

3. Phần quyết định:

Xử:

1/ Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa ông Kim Văn Thuyết và bà Lưu Thanh Hương.

2/ Về con chung: Xác nhận ông Kim Văn Thuyết và bà Lưu Thanh Hương không có con chung, ông bà không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung và nhà ở chung, về công nợ chung: Xác nhận ông Kim Văn Thuyết và bà Lưu Thanh Hương thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về yêu cầu của bà Hương về việc bà cho rằng ông Thuyết còn nợ bà số tiền 400 triệu đồng và 03 chỉ vàng: Dành quyền khởi kiện vụ án độc lập cho bà Lưu Thanh Hương khi bà thu thập đủ tài liệu, chứng cứ.

5/ Về án phí: ông Kim Văn Thuyết phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, ông Thuyết được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "án phí và lệ phí Tòa án" và Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: ông Thuyết bà Hương có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết 3/3

Biên bản làm xong đã được đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**